

Bản án số: 218/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2021

V/v tranh chấp về “thay đổi người  
trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trịnh Văn Bé;
2. Ông Trương Phước Công.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Lắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Thanh Hiền, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về “tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định xét xử số 299/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 255/2021/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang; xin xét xử vắng mặt
- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1988; nơi cư trú: ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn V trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị D đã ly hôn theo Bản án số 168/2018/HN-ST ngày 12/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Theo nội dung của Bản án, bà D được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 04/02/2008, ông V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phú T, sinh ngày 22/6/2013. Ông, bà D không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản chung không tranh chấp, nợ chung không có. Tuy nhiên, đến tháng 3 năm 2021 cháu N về sinh sống cùng ông tại ấp M, xã

Đ, huyện C, tỉnh An Giang. Qua tìm hiểu, cháu N không muốn sống chung với bà D vì bà D đã lập gia đình, không quan tâm, chăm sóc cháu N cũng như không tạo điều kiện để cháu N đi học. Do đó, để đảm bảo phát triển về thể chất, tinh thần của cháu N, ông nộp đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 04/02/2008, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị D đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà D vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến về các yêu cầu đã trình bày.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị D vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ Điều 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của của ông Nguyễn Văn V.

Ông Nguyễn Văn V được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 04/02/2008; bà Nguyễn Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*\* Về tố tụng:*

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do con chung Nguyễn Thị Tuyết N đang cư trú tại xã M, huyện C, tỉnh An Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Ông Nguyễn Văn V khởi kiện yêu cầu tranh chấp thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự,

Tòa án thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là phù hợp .

[3]. Về tư cách, sự vắng mặt của đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn ông Nguyễn Văn V, bị đơn bà Nguyễn Thị D.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V, bà D.

*\* Về nội dung:*

[4]. Về yêu cầu khởi kiện: Ông Nguyễn Văn V yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 04/02/2008, không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, chứng cứ trong hồ sơ, thể hiện cháu N về sống chung với ông V từ tháng 3/2021 đến nay, từ khi về sống chung với ông V, bà D không tới lui, thăm nom và đón cháu N về chăm sóc, nuôi dưỡng. Như vậy, bà D không thực hiện tốt nghĩa vụ và quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Từ khi ly hôn năm 2018 đến tháng 2 năm 2021 cháu N sống với bà D nhưng cháu N không được đi học, không được quan tâm, chăm sóc. Do đó, cháu N bỏ về sống với ông V từ tháng 3/2021 đến nay.

Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Hiện nay cháu N đã sống ổn định với ông V. Ông V yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, bà D cũng không có ý kiến phản đối. Biên bản ghi nhận ý kiến của con chung chưa thành niên cháu N có nguyện vọng sống với ông V, biên bản xác minh ngày 04/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thì cháu N sống với ông V phát triển tốt về tinh thần và thể chất, ông V liên hệ với địa phương để làm thủ tục nhập học cho cháu N; nhà ông V gần trường học, trạm y tế, thu nhập của ông V ổn định bình quân khoảng 9.000.000 đồng/tháng nghề nghiệp chính của ông V là làm ruộng nhưng ông cũng làm nhiều nghề tự do để kiếm thêm thu nhập đảm bảo về việc học hành cũng như chăm sóc sức khỏe cho cháu N. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Vĩnh là được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông V không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới về quan điểm giải quyết án.

[7]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

*Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V.

Ông Nguyễn Văn V được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày sinh ngày 04/02/2008.

Bà Nguyễn Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn V cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

*Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ hôn nhân nhân gia đình 300.000 (ba trăm nghìn) đồng

Ông Nguyễn Văn V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0006750 ngày 24 tháng 3 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Ông V, bà D vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký tên và đóng dấu)

**Nguyễn Thị Thi**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:**

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: “Số:100/2017/DS-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: “Số:108/2017/HNGĐ-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: “Số:110/2017/KDTM-ST”; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: “Số:115/2017/LĐ-ST”).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng “Thẩm phán...”, đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ “Tòa án nhân dân” thành “Viện kiểm sát nhân dân”.

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ “Trong các” (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi “Trong các ngày” (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi: “Từ ngày đến ngày” (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ “công khai” bằng từ “kín”.

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi “DS”; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi “HNGĐ”; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi “KDTM”; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi “LĐ” (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: “văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...”.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

- (16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).
- (17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).
- (18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).
- (22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).
- (23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
- (24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
- (25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phân tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.
- (26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.
- Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].
- (27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.
- (28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.
- (29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau: